

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2021/DS-PT

Ngày: 30-9-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Diệp.

*Các Thẩm phán:*

- Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Ông Nguyễn Văn Bình

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.**

Địa chỉ trụ sở: Số 18 T, M, Quận T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh. Theo giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19-6-2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên A cho giám đốc Chi nhánh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thành D là anh Lê Thanh S - Phó giám đốc A Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh. Theo Văn bản ủy quyền số 86/VBUQ-BC, ngày 13-4-2020, (có mặt).

## *2. Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Số 184, Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

2.2 Bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1963. Địa chỉ: Số 184, Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Nguyễn Văn T (giấy ủy quyền ngày 09-9-2019), (vắng mặt).

## *3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ông Đỗ Minh L, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của ông L là bà Huỳnh Thị T2 (giấy ủy quyền ngày 19-5-2020), (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ trụ sở: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn N2, chức vụ: Phó chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh. Theo văn bản ủy quyền số 250/UQ-CCTHA, ngày 23-6-2020, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị T2 và ông Đỗ Minh L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-7-2019 và trong quá trình làm việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12-4-2010 Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh (gọi tắt là A) và ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B có ký kết hợp đồng tín dụng số: 5708- LAV - 201001405, ông T, bà B vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: sang nhượng QSDĐ nông nghiệp, lãi suất 1,4%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 2.100% tháng. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13 tháng 4 năm 2011, hình thức bảo đảm tiền

vay: theo hợp đồng thế chấp tài sản số 265/2010/HĐTC, ngày 12-4-2010, gồm có hai tài sản: là QSDĐ có diện tích: 167 m<sup>2</sup>, thửa đất số 83,85, tờ bản đồ số 5A, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số: 04199, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18-8-1999, do bà Huỳnh Thị T2 đứng tên, phạm vi bảo đảm là 200.000.000 đồng và QSDĐ có diện tích: 1.427 m<sup>2</sup>, thửa đất số 41,42 tờ bản đồ số 3K, thuộc GCNQSDĐ số: 04189, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18-8-1999 do ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B đứng tên, nghĩa vụ được bảo đảm là 200.000.000 đồng.

Do ông T, bà B phải thi hành những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng không còn tài sản nào khác. Ngày 08-6-2011 Chi cục Thi hành án dân sự huyện B yêu cầu ngân hàng phối hợp kê biên tài sản của ông T, bà B đối với phần đất diện tích 1.427m<sup>2</sup>, thửa đất số 41, 42 theo quy định để thực hiện nghĩa vụ thi hành của ông T, bà B, trong đó ưu tiên thanh toán khoản tiền bảo đảm cho hợp đồng vay số: 5708- LAV -201001405. Ngân hàng đồng ý để Thi hành án dân sự kê biên tài sản thế chấp của ông T, bà B. Sau khi kê biên, Thi hành án đã ưu tiên thanh toán cho ngân hàng số tiền 471.538.547 đồng, trong đó tiền gốc là 213.130.214 đồng và tiền lãi là 258.408.333 đồng. Còn nợ lại 186.869.786 đồng. Kể từ sau khi kê biên và thanh toán số tiền 471.538.547 đồng thì ông T, bà B không trả cho Ngân hàng thêm khoản tiền nào khác.

Ngân hàng N yêu cầu ông T, bà B phải trả nợ cho ngân hàng, số tiền gốc: 186.869.786 đồng và tiền lãi là 428,749.094 đồng. Tổng cộng là: 615.618.880 đồng.

*Tại phiên tòa:* ông Sơn yêu cầu ông T, bà B thanh toán số tiền nợ gốc là 186.869.786 đồng, tiền lãi trong hạn: 296.718.082 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 31-3-2021 là: 132.031.012 đồng. Tổng cộng là 615.618.880 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5708- LAV-201001405, kể từ ngày 01-4-2021 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông T, bà B không thanh toán được khoản nợ trên cho A, thì A yêu cầu bán tài sản thế chấp là QSDĐ diện tích 167 m<sup>2</sup>, thửa đất số 83,85, tờ bản đồ số 5A, thuộc GCNQSDĐ số: 04199, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18-8-1999, do bà Huỳnh Thị T2 đứng tên, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 265/2010/HĐTC, ngày 12-4-2010 để thu hồi nợ.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-12-2019, bị đơn ông Nguyễn Văn T đồng thời là đại diện của bà B đã trình bày:*

Ông T xác định vợ chồng ông có vay tiền của A đúng như trong đơn khởi kiện của A yêu cầu, nhưng thời gian vay, số tiền vay cụ thể như thế nào thì ông không

nhớ. Khi vay tiền có thể chấp giấy CNQSDĐ của vợ chồng ông và vợ chồng bà Huỳnh Thị T2. Từ ngày vay tiền đến nay, đã trả cho A bao nhiêu tiền thì ông không nhớ, việc trả được bao nhiêu thì căn cứ vào các tài liệu, giấy tờ, biên lai của A đã nộp cho Tòa án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T2 đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Minh L đã trình bày:*

Bà thống nhất với A về việc ký kết hợp đồng vay tiền số 5708- LAV - 201001405 và hợp đồng thế chấp tài sản ngày 12-4-2010. Do bà và bà B là chị em ruột với nhau nên bà cho ông T, bà B mượn giấy CNQSDĐ của bà để làm tài sản bảo đảm tại ngân hàng, để ông T, bà B vay số tiền 400.000.000 đồng. Bà không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ngân hàng cũng như từ ông T bà B.

Ngày 26-8-2015 Ngân hàng có thông báo xử lý tài sản bảo đảm của bà. Bà không đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản bà thế chấp của bà với lý do, chưa bán tài sản thế chấp của ông T, bà B nên chưa phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của bà. Ngày 06-7-2016 Ngân hàng thông báo cho bà biết đã bán tài sản của ông T, bà B số tiền 471.538.547 đồng. Ngày 18-7-2016 bà có đơn gửi Ngân hàng yêu cầu Ngân hàng khởi kiện và xem xét lại việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà B trả số tiền gốc là 186.869.786 đồng và tiền lãi là 440.434801 đồng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là QSDĐ của vợ chồng bà, bà không đồng ý vì theo điều 721 BLDS, Ngân hàng chưa xử lý tài sản thế chấp của bà B nên chưa phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của bà. Ngân hàng và thi hành án phối hợp xử lý tài sản của ông T, bà B nhưng không thanh toán hết khoản nợ vay trong hợp đồng mà vẫn tiến hành kê biên tài sản của bà là sai.

Khi ngân hàng chưa khởi kiện thì tài sản của ông T, bà B và tài sản của bà cùng bảo lãnh trong hợp đồng tín dụng số 5708- LAV -201001405 ngày 12-4-2010 mà giá trị tài sản khi đem kê biên có giá trị nhỏ hơn giá trị hợp đồng vay, đồng thời tài sản khi đi kê biên thì không lớn hơn giá trị thanh toán của hợp đồng vay thì Thi hành án căn cứ vào điều gì để kê biên tài sản của ông T, bà B. Căn cứ theo Điều 4 Thông tư liên tịch số 11/2016 thì Thi hành án đã kê biên không đúng.

Ngân hàng vi phạm Điều 4 về xử lý tài sản ghi trong Hợp đồng thế chấp tài sản, do việc xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng trái với quy định của pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi của bà, người có nghĩa vụ bảo lãnh, vì vậy ngân hàng không có quyền khởi kiện yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho bà B.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn N2 trình bày:*

Năm 2011 ông T, bà B có nghĩa vụ phải thi hành đối với 10 Quyết định thi hành án dân sự, theo đó ông T, bà B phải có nghĩa vụ thi hành án số tiền 1.376.248.000 đồng cho nhiều người, cùng với lãi chậm thi hành án và án phí theo quy định. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 45 Luật thi hành án dân sự, chấp hành viên đã cho ông T, bà B tự nguyện thi hành án theo quy định, nhưng ông T bà B không tự nguyện thi hành.

Chấp hành viên đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của ông T, bà B, xác định ông T, bà B có 01 phần đất có diện tích 1.427 m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 41, 42 tờ bản đồ số 3K, tại Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, phần đất này đang thế chấp cho A và 01 phần đất phần đất có diện tích 1.724 m<sup>2</sup>, thuộc 02 thửa số 362, 408 tờ bản đồ số 5E, tại khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Do ông T, bà B không tự nguyện Thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B căn cứ vào khoản 1 Điều 90 Luật thi hành án dân sự kê biên tài sản của ông T, bà B để thi hành án. Số tiền thi hành án đã kê biên được từ tài sản thế chấp của ông T, bà B đã chi trả cho A và người được thi hành đúng theo quy định. Chi cục Thi hành án đảm bảo việc thực hiện kê biên đúng theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 31-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào các Điều 343, 351, 355, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 157, Điều 147 Bộ Luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh đối với ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh số tiền 615.618.880 (*sáu trăm mười lăm triệu sáu trăm mười tám nghìn, tám trăm tám mươi*) đồng, trong đó: tiền gốc là 186.869.786 đồng, tiền lãi trong hạn: 296.718.082 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 31-3-2021 là: 132.031.012 đồng.

Kể từ ngày 01-4-2021 ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B còn phải chịu tiền lãi đối với khoản nợ gốc phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5708- LAV -201001405 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B không thanh toán được khoản nợ trên cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán tài sản thế chấp là QSDĐ diện tích 167 m<sup>2</sup>, thửa đất số 83,85, tờ bản đồ số 5A, địa chỉ: Khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, thuộc GCNQSDĐ số:

04199, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18-8-1999, do bà Huỳnh Thị T2 đứng tên, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 265/2010/HĐTC, ngày 12-4-2010 để thu hồi nợ.

Bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T2 và ông Đỗ Minh L có đơn kháng cáo và ngày 06/5/2021 có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản của bên thứ ba.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo bà Huỳnh Thị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn bà có yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm về phần xử lý tài sản thế chấp của bên thứ 3.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Huỳnh Thị T2 kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật, xử lý tài sản thế chấp đảm bảo theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Tổ chức tín dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T2, ông Đỗ Minh L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:*

#### **[1]. Về tố tụng:**

Ngân hàng N khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng số: 5708-LAV-201001405, ngày 12-4-2010. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là có căn cứ.

Ông Nguyễn Văn T bà Huỳnh Thị B đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan bà Huỳnh Thị T2 và ông Lê Văn N2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T, bà B, bà T2, ông N2.

**[2]** Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị T2, ông Đỗ Minh L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản của bên thứ ba về bảo lãnh trả nợ cho ông T, bà B. Đối với diện tích đất 167 m<sup>2</sup>, thửa đất 83, 85, tờ bản đồ số 5A, thuộc GCNQSD đất số 04199, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18-8-1999 cho bà Huỳnh Thị T2 đứng tên thấy rằng:

**[2.1]** Ngày 22-3-2012, Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã ra quyết định kê biên số 09/QĐ-CCTHA, tiến hành kê biên tài sản của ông T, bà B gồm:

Phần đất thứ nhất có diện tích 1.427,0 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 41, 42 tờ bản đồ số 3K, trên đất có hàng rào B40 diện tích 243,92 m<sup>2</sup>; đất tọa lạc tại Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này đang được thế chấp bảo đảm cho hợp đồng vay số: 5708-LAV-2010 với số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng, theo hợp đồng thế chấp số 265/2010/HĐTC ngày 12/4/2010.

Phần đất thứ hai có diện tích 1.724,0 m<sup>2</sup> (diện tích 750 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 362; diện tích 974 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 408), tờ bản đồ số 5E, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Phần đất thứ nhất diện tích 1.427,0 m<sup>2</sup> bán được 471.538.547 (bốn trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi bảy) đồng. Sau khi giao tài sản Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đã chi trả cho ngân hàng đang nắm giữ tài sản thế chấp được ưu tiên thanh toán số tiền 471.538.547 đồng.

Như vậy giá trị tài sản thế chấp của ông T, bà B cơ quan thi hành án kê biên, bán đấu giá được chỉ đủ để thanh toán cho ngân hàng số tiền 471.538.547 đồng, không có khoản nào chi trả cho các công dân khác. Tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng, chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh kê biên, xử lý và được sự đồng ý của Ngân hàng là hoàn toàn đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 90, Luật Thi hành án dân sự.

**[2.2]** Đối với hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số: 265/2010/HĐTC ngày 12-4-2010 của bà Huỳnh Thị T2 với Ngân hàng N Chi nhánh B thể hiện:

Bên B (bà Huỳnh Thị T2) tự nguyện đem tài sản nói trên, kể cả khoản bảo hiểm cho tài sản đó thế chấp cho nghĩa vụ trả nợ của bên C (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan nếu có). Mức dư nợ cho vay tối đa của tài sản bảo đảm nêu trên cho các hợp đồng tín dụng do hai bên ký là: 200.000.000 đồng (Bút lục 12-14).

Như vậy bà T2 đã tự nguyện đem tài sản của mình thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của ông T, bà B. Đến thời điểm hiện nay, ông T, bà B đã đến hạn trả nợ nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng và không có khả năng trả nợ. Theo quy định tại Điều 369 của Bộ luật Dân sự năm 2005, ngân hàng có quyền yêu cầu bán tài sản thế chấp là QSDĐ diện tích 167 m<sup>2</sup>, thửa đất số 83,85, tờ bản đồ số 5A, thuộc GCNQSDĐ số: 04199, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18-8-1999, cho bà Huỳnh Thị T2 đứng tên, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 265/2010/HĐTC, ngày 12-4-2010 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Minh L và bà Huỳnh Thị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông L, bà T2 không được chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông L, bà T2 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, khấu trừ số tiền án phí đã nộp.

Các quyết định khác của bản án, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Minh L và bà Huỳnh Thị T2.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 343, 351, 355; 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 157, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh đối với ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh số tiền 615.618.880 (*sáu trăm mười lăm triệu sáu trăm mười tám nghìn, tám trăm tám mươi*) đồng, trong đó: tiền gốc là 186.869.786

đồng, tiền lãi trong hạn: 296.718.082 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 31-3-2021 là: 132.031.012 đồng.

Kể từ ngày 01-4-2021 ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B còn phải chịu tiền lãi đối với khoản nợ gốc phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5708- LAV -201001405 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B không thanh toán được khoản nợ trên cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán tài sản thế chấp là QSDĐ diện tích 167 m<sup>2</sup>, thửa đất số 83,85, tờ bản đồ số 5A, địa chỉ: Khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, thuộc GCNQSDĐ số: 04199, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18-8-1999, do bà Huỳnh Thị T2 đứng tên, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 265/2010/HĐTC, ngày 12-4-2010 để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B phải trả lại cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh số tiền 1.000.000 đồng

4. Về án phí.

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị B phải chịu 14.312.377 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện B, tỉnh Tây Ninh số tiền 13.086.000 đồng theo Biên lai số: 0022114 ngày 12-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Án phí dân phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Đỗ Minh L, bà Huỳnh Thị T2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 00014781 ngày 18-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND H. Bến Cầu;
- CCTHADS H. Bến Cầu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Diệp**